

CÔNG BỐ THÔNG TIN

V/v Báo cáo tài chính soát xét bán niên 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Quý Cổ đông.

A. THÔNG TIN CÔNG TY

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE
- Mã chứng khoán: PPE
- Mã số thuế: 0102403985
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12, Tòa nhà CharmVit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 0962.467.861
- Thông tin Người CBTT: Trần Thị Lý

B. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ

- Loại thông tin công bố Định kỳ Bất thường Theo yêu cầu
 24h Khác

2. Nội dung thông tin công bố

Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2023.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu Tư PP Enterprise vào ngày 11/08/2023 tại đường link Website của Công ty: <http://pvpe.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN



TRẦN THỊ LÝ

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ
PP ENTERPRISE**

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
đã được soát xét



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 19

1:030
C
TRÁCB
DỊCH
TÀI CH
VÀ
N
NI - 1

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023.

Khái quát

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise (tên cũ là Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102403985 ngày 31 tháng 10 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 14 tháng 06 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Dịch vụ chuyển giao công nghệ, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều tra tác động môi trường;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Tư vấn đầu tư; Tư vấn các dự án cơ chế phát triển sạch (CDM);
-

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 12 Charmvit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ủy ban Kiểm toán trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hải Minh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Trường	Thành viên
Ông Trần Huỳnh Thanh Trà	Thành viên

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Bách Bảo Vinh	Tổng Giám đốc
--------------------------	---------------

Ủy ban Kiểm toán

Ông Nguyễn Mạnh Trường	Chủ tịch
Ông Trần Huỳnh Thanh Trà	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Tổng Giám đốc

Nguyễn Bách Bảo Vinh

Hà Nội, ngày 9 tháng 8 năm 2023



Số: 69-2/BCSX/TC

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise được lập ngày 09/08/2023, từ trang 5 đến trang 19, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise tại ngày 30/06/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2837-2019-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.914.454.676	18.323.842.734
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	41.771.562	80.929.602
1. Tiền	111		41.771.562	80.929.602
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.862.871.244	18.240.112.340
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.544.848	1.981.544.848
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	-	25.000.000
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch	134		223.055.963	223.055.963
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	15.000.000.000	15.800.000.000
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	862.871.233	435.112.329
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(224.600.800)	(224.600.800)
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.811.870	2.800.792
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.017.526	6.448
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.9	2.794.344	2.794.344
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		15.914.454.676	18.323.842.734

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.011.831.116	7.909.064.395
I. Nợ ngắn hạn	310		5.011.831.116	7.909.064.395
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	3.051.143.511	3.053.843.511
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8	1.588.007.754	1.588.007.754
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	6.293.477	65.876.756
4. Phải trả người lao động	314		47.961.112	11.111.112
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	50.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	318.425.262	3.140.225.262
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		10.902.623.560	10.414.778.339
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	10.902.623.560	10.414.778.339
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		146.866.588	146.866.588
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(9.244.243.028)	(9.732.088.249)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(9.732.088.249)	(11.595.830.285)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		487.845.221	1.863.742.036
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		15.914.454.676	18.323.842.734

Người lập biểu / Kế toán trưởng



Đặng Quốc Thái

Ngày 9 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bách Bảo Vinh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	661.667.101	64.983
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.2	172.521.034	174.038.558
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		489.146.067	(173.973.575)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.3	1.300.846	84.722.577
13. Lợi nhuận khác	40		(1.300.846)	(84.722.577)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		487.845.221	(258.696.152)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.4	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		487.845.221	(258.696.152)
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5	244	(129)

Người lập biểu / Kế toán trưởng



Đặng Quốc Thái

Ngày 9 tháng 8 năm 2023



Nguyễn Bách Bảo Vinh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	487.845.221	(258.696.152)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Các khoản dự phòng	03	-	(297.401.567)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(661.667.101)	(64.983)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(173.821.880)	(556.162.702)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	1.997.988.922	1.450.038.161
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	-	297.401.567
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(2.897.233.279)	(1.575.513.727)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.073.066.237)	(384.236.701)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu cho vay	24	800.000.000	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	233.908.197	64.983
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.033.908.197	64.983
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(39.158.040)	(384.171.718)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	80.929.602	456.489.459
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	41.771.562	72.317.741

Người lập biểu / Kế toán trưởng



Đặng Quốc Thái

Ngày 9 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bách Bảo Vinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise (tên cũ là Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102403985 ngày 31 tháng 10 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 14 tháng 06 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 12 Charmvit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, số lượng nhân viên là 2 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không ký hợp đồng với nhân viên).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ chuyển giao công nghệ, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều tra tác động môi trường;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Tư vấn đầu tư; Tư vấn các dự án cơ chế phát triển sạch (CDM);
-

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ 01/01 và kết thúc ngày 31/12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu và phải thu khác

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn

Cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

7. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

11. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

12. Sử dụng các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	40.739.051	80.534.735
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.032.511	394.867
Cộng	41.771.562	80.929.602

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Bên thứ ba	1.544.848	1.544.848
Phải thu khách hàng khác	1.544.848	1.544.848
b) Bên liên quan	-	1.980.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Châu Việt	-	1.980.000.000
Cộng	1.544.848	1.981.544.848

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên thứ ba		
Trả trước người bán ngắn hạn khác	-	25.000.000
Cộng	-	25.000.000

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Thiết bị và Xây dựng Sài Gòn (*)	5.000.000.000	5.800.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Sakireal (**)	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	15.800.000.000	15.800.000.000

(*) Cho Công ty TNHH Thiết bị và Xây dựng Sài Gòn vay theo Hợp đồng cho vay tiền số 2909/2022/HĐVV-PPE-TBXDSG ngày 29/09/2022 với lãi suất cho vay là 8%/năm trong suốt thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày 29/09/2022 đến 29/09/2023.

(**) Cho Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Sakireal vay theo Hợp đồng cho vay tiền số 2608/2022/HĐMT-PPE-SAKIREAL ngày 26/08/2022 với lãi suất cho vay là 9%/năm trong suốt thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày 26/08/2022 đến 26/08/2023.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khoản phải thu về cho vay ngắn hạn nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên liên quan		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	862.871.233	435.112.329
<u>Trong đó:</u>		
Công ty TNHH Thiết bị và Xây dựng Sài Gòn	100.953.424	119.495.890
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Sakireal	761.917.809	315.616.439
Cộng	862.871.233	435.112.329

6. Dự phòng phải thu khó đòi

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ban điều hành Dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	1.544.838	(1.544.838)	1.544.838	(1.544.838)
Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	223.055.962	(223.055.962)	223.055.962	(223.055.962)
Cộng	224.600.800	(224.600.800)	224.600.800	(224.600.800)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Tư vấn Việt - Delta	1.670.425.567	1.670.425.567
Phải trả người bán ngắn hạn khác (*)	1.380.717.944	1.383.417.944
Cộng	3.051.143.511	3.053.843.511

(*) Không có đối tượng nào chiếm từ 10% trở lên trên tổng số dư nợ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản phải trả người bán nào quá hạn chưa thanh toán.

8. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên thứ ba		
Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	1.422.555.556	1.422.555.556
Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	132.452.198	132.452.198
Ban điều hành các dự án của PVC tại Hà Nội	33.000.000	33.000.000
Cộng	1.588.007.754	1.588.007.754

9. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

	01/01/2023	Số phải nộp/ giảm trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Đơn vị tính: VND 30/06/2023
Phải nộp	65.876.756	6.575.836	66.159.115	6.293.477
Thuế giá trị gia tăng	61.072.601	-	61.072.601	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.804.155	3.575.836	2.086.514	6.293.477
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phải thu	2.794.344	-	-	2.794.344
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.794.344	-	-	2.794.344

10. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên thứ ba		
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	24.425.262	5.225.262
Cổ tức phải trả cho các cổ đông (*)	294.000.000	294.000.000
Phải trả tiền mượn Ông Lê Cảnh Toàn	-	2.841.000.000
Cộng	318.425.262	3.140.225.262

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(*) Khoản cổ tức còn phải trả cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 08/NQĐHCĐ-TVĐLDK năm 2012 về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2011. Đây là khoản cổ tức phải trả cho cổ đông cũ là Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

11. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND			
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	146.866.588	(11.595.830.285)	8.551.036.303
Lãi trong năm trước			1.863.742.036	1.863.742.036
Số dư cuối năm trước	20.000.000.000	146.866.588	(9.732.088.249)	10.414.778.339
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	146.866.588	(9.732.088.249)	10.414.778.339
Lãi trong kỳ này			487.845.221	487.845.221
Số dư cuối kỳ này	20.000.000.000	146.866.588	(9.244.243.028)	10.902.623.560

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2023		01/01/2023	
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Duy Hạ	4.950.000.000	24,750	4.950.000.000	24,750
Bà Nguyễn Thị Hải Minh	4.363.000.000	21,815	4.363.000.000	21,815
Ông Nguyễn Tiến Thắng	2.993.000.000	14,965	2.993.000.000	14,965
Ông Ứng Quang Sơn	1.694.000.000	8,470	1.694.000.000	8,470
Vốn góp của các đối tượng khác	6.000.000.000	30,000	6.000.000.000	30,000
Cộng	20.000.000.000	100	20.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Vốn của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	20.000.000.000	20.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lãi tiền gửi	661.667.101	64.983
Cộng	661.667.101	64.983

2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	126.233.336	3.102.722
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua hàng	43.287.698	167.935.836
Cộng	172.521.034	174.038.558

3. Chi phí khác

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Các khoản bị phạt	1.300.846	84.482.324
Chi phí khác	-	240.253
Cộng	1.300.846	84.722.577

4. Chi phí thuế thu doanh nghiệp hiện hành và hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	487.845.221	(258.696.152)
Các khoản điều chỉnh	(487.845.221)	84.722.577
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.300.846	84.722.577
- Các khoản điều chỉnh giảm	489.146.067	-
+ Chuyển lỗ của các năm trước	489.146.067	-
Lợi nhuận tính thuế	-	(173.973.575)
+ Thuế suất 20%	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế còn được chuyển của các năm trước vì khả năng Công ty có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

5. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	487.845.221	(258.696.152)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	487.845.221	(258.696.152)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.000.000	2.000.000
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	244	(129)

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nhân công	126.233.336	3.102.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.287.698	170.935.836
Cộng	172.521.034	174.038.558

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán của Công ty trong kỳ như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán				
1	Bà Nguyễn Thị Hải Minh	Chủ tịch HĐQT	-	-
2	Ông Nguyễn Mạnh Trường	Thành viên HĐQT và Chủ tịch UBKT	-	-
3	Ông Trần Huỳnh Thanh Trà	Thành viên HĐQT và Thành viên UBKT	-	-
Tổng Giám đốc				
1	Ông Nguyễn Bách Bảo Vinh	Tổng Giám đốc	33.333.336	3.102.722
Cộng			33.333.336	3.102.722

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ quan trọng với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	
Công ty TNHH Thiết bị và Xây dựng Sài Gòn	Bên liên quan	
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Sakireal	Bên liên quan	
Lãi tiền cho vay	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 17/03/2022 đến 30/06/2022 VND
Công ty TNHH Thiết bị và Xây dựng Sài Gòn	215.364.383	-
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Sakireal	446.301.370	-
Cộng	661.665.753	-
Thu tiền của khách hàng	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 17/03/2022 đến 30/06/2022 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Châu Việt	1.980.000.000	-
Cộng	1.980.000.000	-
Thu tiền nợ gốc cho vay	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 17/03/2022 đến 30/06/2022 VND
Công ty TNHH Thiết bị và Xây dựng Sài Gòn	800.000.000	-
Cộng	800.000.000	-

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023, Công ty không tiến hành lập báo cáo tài chính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh do Công ty vẫn đang trong giai đoạn tái cơ cấu, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh chính thức.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

Người lập biểu / Kế toán trưởng



Đặng Quốc Thái

Ngày 9 tháng 8 năm 2023



Tổng Giám đốc



Nguyễn Bách Bào Vinh